

Số: 120/KH-UBND

Yên châu, ngày 02 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021 - 2025. UBND huyện Yên Châu xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đẩy mạnh CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

2.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, tổ chức thực hiện có hiệu quả việc cải cách tiền lương, thưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

2.2. Cải cách mạnh mẽ quy định về cải cách thủ tục hành chính (TTHC); cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện, cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp và người dân.

2.3. Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp, tinh gọn hệ thống, tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường ra soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

2.4. Xây dựng nên công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai minh bạch trong tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước.

2.5. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao, kết quả và sản phẩm hoạt động.

2.6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chương trình chuyển đổi số tỉnh Sơn La góp phân nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CÔNG TÁC CCHC GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung CCHC theo quy định Chính phủ; quán triệt thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đảng, các kết luận, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh CCHC, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC. Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC theo Đề án.

1.2. Triển khai xác định và công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS, Chỉ số DDCI, công bố xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm của các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn; triển khai việc tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS, Chỉ số PAPI, Chỉ số PCI, Chỉ số ICT Index hàng năm của huyện, báo cáo theo quy định. Duy trì, đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác tuyên truyền CCHC trên địa bàn huyện.

1.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là kiểm tra công vụ; đề xuất giải pháp xử lý triệt để những trường hợp chấp hành không nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

2. Cải cách thể chế

2.1. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi các văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản QPPL nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể, khả thi phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

2.2. Bám sát chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước đã phân cấp cho địa phương để xây dựng hệ thống văn bản của huyện liên quan đến đối tượng là người dân, trong đó chú trọng là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lấy ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước trong huyện.

2.3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của địa phương.

2.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt tập trung vào việc rà soát các văn bản do HĐND,

UBND các cấp ban hành với các quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản QPPL của Trung ương; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, rà soát, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật.

2.5. Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về cải cách TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; cắt giảm thời gian và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là TTHC liên quan tới người dân, doanh nghiệp; lựa chọn những vấn đề, TTHC cần cắt giảm về quy trình và bảo đảm cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết so với quy định.

3.2. Tăng cường đối thoại giữa Nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân giám sát việc thực hiện.

3.3. Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức.

3.4. Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Triển khai có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC.

3.5. Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

3.6. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3.7. Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết TTHC cho tổ chức và cá nhân.

3.8. Kiện toàn, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận một cửa các cấp để cải thiện chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Mở rộng và triển khai có hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức đối với quy định TTHC.

3.9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp huyện, cấp xã, thị trấn theo hướng dẫn của của cấp có thẩm quyền; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW theo hướng giảm đầu mối trực thuộc, giảm trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

4.2. Rà soát, tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Rà soát, sắp xếp giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

4.3. Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp; chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần. Đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện, nhất là ở các khu đô thị; tăng cường giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước. Khuyến khích thành lập các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, khoa học và công nghệ; bảo đảm sự hài lòng của cá nhân đối với dịch vụ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80% vào năm 2025.

4.4. Rà soát, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, bản chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

4.5. Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa ở 3 cấp chính quyền, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý ở địa phương. Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Ban hành và triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

4.6. Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

5. Cải cách công vụ

5.1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với cơ cấu và vị trí việc làm; thi nâng ngạch công chức theo nguyên tắc cạnh tranh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức. Triển khai thực hiện các quy định mới về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức; quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Chính phủ.

5.2. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng cơ chế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với điều kiện của huyện và yêu cầu hội nhập quốc tế; có chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học tập và tự học tập, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao. Nâng cao đạo đức công vụ thông qua tuyên truyền, bồi dưỡng, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực thi công vụ. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực.

5.3. Xây dựng cơ chế đủ mạnh để cương quyết thay thế kịp thời đối với những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; có cơ chế lương, thưởng, khuyến khích, thu hút những người có trình độ chuyên môn và tay nghề cao; đẩy mạnh việc luân chuyển cán bộ, công chức từ cấp huyện đến cấp xã và ngược lại.

5.4. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo các quy định của pháp luật, gắn với các nội dung khác của công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả công việc, gắn đánh giá với cơ chế trả thu nhập và khen thưởng đối với những cán bộ, công chức, viên chức xuất sắc.

5.5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm, không có "vùng cấm".

5.6. Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Đẩy mạnh chất lượng triển khai Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu và duy trì 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện tự chủ. Đảm bảo quá trình tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của Chính phủ, các Bộ, Ngành.

6.2. Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư các công trình trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

6.3. Thực hiện nghiêm túc quy trình công khai ngân sách; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh, có cơ chế khuyến khích sự tham gia đóng góp ý kiến, giám sát của người dân đối với quá trình lập dự toán, phân bổ, quản lý sử dụng ngân sách.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

7.1. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với xu thế phát triển của huyện, bao gồm: xây dựng, phát triển trực chia sẻ tích hợp dùng chung tỉnh (LGSP) kết nối với Trục kết nối liên thông quốc gia (NGSP); xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành kết nối liên thông với Trục liên thông của tỉnh; tiếp tục duy trì Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp tỉnh - huyện - xã; duy trì, khai thác sử dụng hạ tầng mạng số liệu chuyên dùng tỉnh Sơn La, mở rộng đến cấp xã; duy trì, mở rộng Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung tỉnh Sơn La theo mô hình quản trị tập trung.

7.2. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với CCHC: thường xuyên nâng cấp, hoàn thiện chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, xã theo đúng quy định; triển khai thuê dịch vụ Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tập trung toàn huyện; triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và thiết bị di động để thuận tiện cho cán bộ, công chức trong giải quyết TTHC; tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh các hệ thống thông tin, phần mềm trên địa bàn huyện; thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

7.3. Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big Data), Di động, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử tại địa phương.

7.4. Tiếp tục triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên thông hiện đại tại UBND cấp xã trên địa bàn huyện, giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành, theo dõi, đôn đốc và báo cáo tình hình và kết quả giải quyết TTHC được diễn ra nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm chi phí; đồng thời tạo thuận lợi đối với tổ chức và cá nhân, nhất là hỗ trợ các doanh nghiệp trong giao dịch với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ.

7.5. Phát triển, hoàn thiện Hệ thống Cổng Dịch vụ công của huyện kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; từng bước đưa toàn bộ dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4. Thực hiện TTHC hoàn toàn trên môi trường điện tử, số hóa kết

quả giải quyết TTHC theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

7.6. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ điện tử hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước theo quy định.

7.7. Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; vận hành, phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh (IOC); lựa chọn một số địa phương trong tỉnh để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Tổng kết, đánh giá, xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số: Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Tài chính - ngân hàng, Nông nghiệp, Giao thông vận tải và logistics, năng lượng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, sản xuất công nghiệp.

8. Về tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội

8.1. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, xanh và bền vững.

8.2. Tập trung đầu tư các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm, kết nối trong vùng, giữa các địa phương, với trung tâm kinh tế của tỉnh và cả nước. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, điện lực, công nghệ thông tin, nông thôn (*điện, đường, trường, trạm*); hạ tầng du lịch; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, giáo dục, y tế, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

8.3. Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh; tăng cường đối thoại và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

8.4. Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định về đấu thầu để áp dụng ưu đãi khi mua sắm xanh và lồng ghép các tiêu chí xanh trong quá trình lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước.

8.5. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp chuyển đổi sang kinh doanh bền vững, công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ các nguồn: Trung ương hỗ trợ, ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ, tài trợ khác (nếu có); sử dụng lồng ghép các nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu, ngân sách địa phương (chi hành chính, chi sự nghiệp...) để thực hiện Kế hoạch. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện các Chương trình, dự án cải cách hành chính của

Bộ, ngành Trung ương. Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của huyện.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, giám sát của HĐND các cấp, các đoàn thể và giám sát trực tiếp của nhân dân đối với sự chỉ đạo, điều hành, triển khai công tác CCHC. Xác định công tác CCHC thực sự là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là khâu đột phá của huyện.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Phát huy vai trò tích cực của báo chí, các cá nhân, tổ chức trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực và tiêu cực của các tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC, thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

2. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực CCHC và các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC của Đề án, có phân công chịu trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể giữa các cơ quan chủ trì triển khai các nội dung CCHC để đảm bảo các nội dung CCHC được triển khai đồng bộ, thống nhất, hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện CCHC, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước cấp trên trực tiếp về kết quả CCHC và những đánh giá của tổ chức, công dân về chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện tốt Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân trên địa bàn huyện. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức chuyên trách CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, hướng dẫn triển khai, theo dõi công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn huyện.

3. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức tại công sở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện.

4. Bố trí đủ nguồn lực tài chính cần thiết từ ngân sách nhà nước, đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện CCHC của huyện trong giai đoạn 2021-2025. Huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC của huyện.

Coi trọng công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thu nhập tăng thêm để tạo động lực thực sự cho cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ có chất lượng và hiệu quả.

5. Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết; kết thúc nhiệm kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả triển khai các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác CCHC của huyện, tổ chức xét khen thưởng, tôn vinh cho các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

6. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện để doanh nghiệp có cơ hội tiếp xúc, kết nối giao thương và tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế; thường xuyên đối thoại với các doanh nghiệp, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để kịp thời có biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội, Hiệp hội, thực hiện hiệu quả chức năng cầu nối, liên kết giữa các doanh nhân và doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước.

7. Bám sát vào 3 khâu đột phá của tỉnh: (1) Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo các cấp, nhất là bậc Trung học phổ thông và giáo dục nghề nghiệp; (2) Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững; (3) Tăng cường CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện thu hút, phát triển các ngành kinh tế và các lĩnh vực xã hội của tỉnh.

8. Ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC: đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính.

9. Tạo lập hình ảnh chính quyền thân thiện, khuyến khích các ý tưởng, sáng kiến về cải cách TTHC tại các cơ quan chuyên môn, ban, ngành, các xã, thị trấn và từ người dân, doanh nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, ban, ngành thuộc huyện; các đơn vị sự nghiệp; các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

1.1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC theo Nghị quyết của Chính phủ, kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Căn cứ kế hoạch của huyện và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện.

1.2. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch.

1.3. UBND các xã, thị trấn chỉ đạo triển khai hoàn thiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của địa phương.

1.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch CCHC đã đề ra. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả công tác CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về thường trực CCHC của huyện (Phòng Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định.

1.5. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì các nội dung liên quan đến công tác CCHC của huyện, ngoài việc thực hiện báo cáo của cơ quan, đơn vị, có báo cáo chuyên đề liên quan đến nhiệm vụ được giao chủ trì.

2. Phòng Nội vụ

2.1. Cơ quan thường trực CCHC của huyện giúp UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung chương trình, kế hoạch CCHC của Chính phủ, tỉnh và của huyện. Định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch ở các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn, báo cáo kết quả thực hiện với UBND huyện. Tham mưu, giúp UBND huyện báo cáo Sở Nội vụ về công tác CCHC theo quy định.

2.2. Chủ trì, triển khai thực hiện tốt các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy; cải cách công vụ.

2.3. Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; Phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức khảo sát, thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với các dịch vụ hành chính công.

2.6. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch CCHC; thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của tỉnh và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2.7. Hàng năm tổ chức đánh giá, xét khen thưởng, tôn vinh cho các tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025.

2.8. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác CCHC và một số nhiệm vụ liên quan các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2.9. Chủ trì, phối hợp triển khai công tác tuyên truyền về CCHC; nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề nghị khen thưởng, kỷ luật về CCHC.

3. Văn phòng HĐND - UBND huyện

3.1. Chủ trì thực hiện nội dung về cải cách TTHC; chịu trách nhiệm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực thi TTHC, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện công khai, niêm yết TTHC đúng quy định; hướng dẫn việc rà soát TTHC và báo cáo UBND tỉnh công bố kết quả rà soát, đơn giản hóa các TTHC; thực hiện kiểm tra công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC theo thẩm quyền.

3.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quy định, hướng dẫn các đơn vị, địa phương giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông thuộc các lĩnh vực: Đầu tư; đất đai; đăng ký kinh doanh; cấp giấy phép xây dựng; tư pháp và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan hành chính nhà nước.

Nghiên cứu những mô hình mới, cách làm hay trong cải cách TTHC để báo cáo UBND huyện xem xét, triển khai nhân rộng.

3.3. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch trong việc thẩm định, hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kinh phí chi cho hoạt động kiểm soát TTHC.

3.4. Chỉ trì, phối hợp với Trung tâm Truyền thông tin - Văn hóa huyện, các cơ quan báo chí, các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông về cải cách TTHC trên địa bàn huyện.

3.5. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực CCHC của huyện theo quy định.

4. Phòng Tư pháp

4.1. Chủ trì tham mưu, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thể chế; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4.2. Hướng dẫn, theo quy trình, chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật.

4.3. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực cải cách hành chính của huyện theo quy định.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

5.1. Chủ trì đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước dựa trên kết quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

5.2. Chủ trì đổi mới cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

5.3. Chủ trì tham mưu thực hiện các nội dung về công tác cải cách tài chính công; có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trong

việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC hằng năm đảm bảo theo quy định.

5.4. Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án CCHC của huyện theo kế hoạch hằng năm và giai đoạn.

5.5. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực CCHC của huyện theo quy định.

6. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

6.1. Tham mưu cho huyện xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích mở rộng mạng lưới thông tin khoa học công nghệ trên địa bàn huyện và đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học công nghệ.

6.2. Chủ trì, phối hợp với phòng Tài chính – Kế hoạch, phòng Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí từ ngân sách cho các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về CCHC của các sở, ngành, địa phương.

6.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI); đẩy mạnh việc thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phục vụ đầu tư các công trình trọng điểm trong tỉnh.

6.4. Thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp để tiếp nhận, xử lý những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp theo thẩm quyền.

6.5. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực cải cách hành chính của tỉnh theo quy định.

6.6. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về cơ quan thường trực cải cách hành chính của huyện theo quy định.

7. Phòng Văn hóa và Thông tin

7.1. Chủ trì tham mưu thực hiện nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch.

7.2. Phối hợp với Phòng Nội vụ thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC của tỉnh

7.3. Phối hợp với cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhà nước huyện Yên Châu, giai đoạn 2021 - 2025.

7.4. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách về thường trực cải cách hành chính của huyện theo quy định.

8. Trung tâm Y tế

8.1. Chủ trì nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công trong ngành y tế.

8.2. Phối hợp với Phòng Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

8.3. Báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ ý tế công về thường trực cải cách hành chính của huyện theo quy định.

9. Phòng Giáo dục và Đào tạo

9.1. Chủ trì nhiệm vụ nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công trong ngành giáo dục.

9.2. Phối hợp với phòng Nội vụ thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

9.3. Báo cáo kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công về thường trực cải cách hành chính của huyện theo quy định.

11. Đối với các cơ quan ngành dọc: Chủ trì thực hiện có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cá nhân và tổ chức, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

12. Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện

12.1. Duy trì các chuyên mục, chuyên trang về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn huyện.

12.2. Phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng các nội dung; kinh phí tuyên truyền hàng năm về CCHC của huyện.

12.3. Báo cáo tiến độ triển khai, thực hiện lĩnh vực phụ trách theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch CCHC giai đoạn 2021 -2025, các cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc...kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (*qua cơ quan thường trực cải cách hành chính - Phòng Nội vụ*) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, ngành thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NV, Quỳnh (.b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lù Văn Cường

Phụ lục I
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2016-2020
và chỉ tiêu phấn đấu trong giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Các mục tiêu/chỉ tiêu cải cách	Kết quả đạt được trong giai đoạn 2015-2020	Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025
I	CHỈ TIÊU CÁC CHỈ SỐ CỦA TỈNH		
1	Chỉ số CCHC	Năm 2019 xếp nhóm B	Nhóm B
2	Chỉ số SIPAS	Năm 2019 đạt 90,61%	Đạt 90% trở lên
3	Chỉ số PCI	Năm 2019 xếp thứ 57/63 tỉnh/thành phố	Nhóm trung bình của cả nước
4	Chỉ số ICT Index	Năm 2019 xếp thứ 46/63 tỉnh/thành phố (đạt Chỉ số 0,26)	Nhóm khá của cả nước (đạt Chỉ số 0,4)
5	Chỉ số PAPI	Năm 2019 thuộc nhóm 16 tỉnh/thành phố đạt điểm cao nhất cả nước	Nhóm trung bình cao của cả nước
6	Chỉ số công khai ngân sách tỉnh	Năm 2019 thuộc nhóm B (đứng thứ 36/63 tỉnh/thành phố)	Nhóm B của cả nước
II	MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH		
1	Chỉ tiêu về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính		
1.1	100% các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh được thẩm định, xếp hạng, công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS, Chỉ số ICT, Chỉ số DCCI và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị	100%	100%
1.2	100% UBND cấp xã được thẩm định, xếp hạng, công bố Chỉ số CCHC	100%	100%
1.3	Trên 30% các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh được kiểm tra trực tiếp về công tác cải cách hành chính	Đạt 37,5%	Trên 30%
2	Chỉ tiêu về cải cách thể chế		
2.1	Bảo đảm 100% văn bản QPPL ban hành đảm bảo đúng thẩm	Đạt 82,25 %	

	quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản		100%
2.2	100% văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Năm 2019 đạt 100%	100%
3.3	100% văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát	Năm 2019 đạt 88,97%	100%
3	Chỉ tiêu về cải cách TTHC		
3.1	Cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định	Đã thực hiện cắt giảm trung bình thời gian giải quyết từ 15 - 20%	25%
3.2	100% TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công bố và công khai theo quy định	100%	100%
3.3	100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC Công TTĐT hoặc Công dịch vụ công của tỉnh	100%	100%
3.4	Đưa 40% TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	Đạt 36%	40%
3.5	100% Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn và trước hạn	Cấp tỉnh đạt 99,9%; cấp huyện đạt 99,7%; cấp xã đạt 99,99%	99,99%
3.6	100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được xử lý đúng quy định	100%	100%
3.7	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%.	Đạt	90%
3.8	Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực	Đạt	80%

	đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 80%.		
4	Chỉ tiêu về cải cách tổ chức bộ máy		
4.1	100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và bố trí số lượng cấp phó đúng quy định	Còn một số cơ quan, đơn vị thừa cấp phó	100%
4.2	100% cơ quan, đơn vị sử dụng số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh không vượt quá số lượng được giao	100%	100%
5	Chỉ tiêu về cải cách công vụ		
5.1	100% đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện tuyển dụng viên chức đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định.	Đạt	100%
5.2	100% công chức, viên chức được bổ nhiệm đúng quy trình, tiêu chuẩn theo quy định	Đạt	100%
5.3	Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức; 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn.	Năm 2019 đạt trên 97,85%; Công chức đạt 98,26%, cán bộ đạt 96,25%	100%; 100
5.4	Tỷ lệ cán bộ, công chức (bao gồm cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 15%.	Năm 2019 đạt 12,2%	15%
5.5	Tỷ lệ cán bộ, công chức (bao gồm cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85%.	Năm 2019 đạt 84,5%	85%
5.6	Tỷ lệ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp (bao gồm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và viên	Năm 2019 đạt 14,5%	15%

	<i>chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện thành phố</i>) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 15%.		
5.7	Tỷ lệ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp (bao gồm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các huyện thành phố) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 81%.	Năm 2019 đạt 79,8%	81%
6	Chỉ tiêu về tài chính công		
6.1	100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách được xử lý kịp thời	Năm 2019 đạt 85,12%	100%
6.2	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đạt từ 90% trở lên	Năm 2019 đạt 84,55%	100%
6.3	80% số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý	Năm 2019 đạt 61,34%	100%
6.5	Có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần	Đạt 7% và 54,55 %	20%; 100%
6.6	100% các đơn vị dự toán, các chủ đầu tư, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã phường thị trấn thực hiện công khai ngân sách theo quy định trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.	Năm 2019 đạt 100%	100%
7	Chỉ tiêu về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số		
7.1	100% các văn bản chỉ đạo, thông tin điều hành của các cơ quan nhà nước được cập nhật, xử lý qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Đạt trên 97%;	100%
7.2	90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản, hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	0%; 0%; 0%	90%; 80%; 60%

7.3	50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Chưa có	50%
7.4	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh và được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Chưa có	100%
7.5	100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin điện tử cấp tỉnh được xác thực điện tử	0%	100%
7.6	80% cơ quan nhà nước thực hiện quản lý cán bộ, quản lý tài chính - kế toán qua môi trường số	Chưa có	80%
7.7	80% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của chính quyền; 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số; cho phép thực hiện thủ tục hành chính từ đầu đến cuối trên môi trường mạng, ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật; được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; được ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự tiện lợi cho người dùng, tự động điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã từng cung cấp	Năm 2020 đang triển khai dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần và thanh toán số	80%; 100%
7.8	100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã ứng dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử dùng chung của tỉnh	Kết nối liên thông tới 100% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và 36% UBND cấp xã	100%
7.9	80% TTHC, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; trong đó 80% đạt mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	31,64% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; 29% tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	80%
7.10	70% dịch vụ hành chính công trực tuyến phát sinh hồ sơ	30%	70%
7.11	50% TTHC cung cấp mức độ 3 và 4 của địa phương được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia	2,5%	50%
7.12	60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trên môi	Chưa có	60%

	trường mạng		
7.13	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 bình quân đạt tối thiểu 50%	Chưa có	50%
7.14	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%	91,61%	Tối thiểu 90%.
7.15	80% cơ quan nhà nước tham gia cung cấp dữ liệu mở, dưới định dạng máy có khả năng đọc, để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội	Chưa có	80%
7.16	Phân đầu Kinh tế số chiếm 20% GRDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%	Chưa có	20%; 10%; 7%
7.17	Phân đầu Hạ tầng mạng băng rộng cấp quang phủ trên 50% hộ gia đình, 100% đến trung tâm xã; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 20%	Chưa có	100%; 20%
7.18	100% cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước được tham gia đào tạo, tập huấn, diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin; 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu	10%; 10%; 3%	100%; 100%; 30%
8	Chỉ tiêu về tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội		
8.1	Tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh năm sau cao hơn năm trước liền kề	Năm 2019 thấp hơn năm 2018	Cao hơn năm trước liền kề
8.2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm sau cao hơn năm trước liền kề	Năm 2019 thấp hơn năm 2018	Cao hơn năm trước liền kề
8.3	Thu ngân sách của tỉnh vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 5% trở lên	Năm 2019 vượt 0,1%	5%
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm đạt 20% so với năm trước liền kề	Năm 2019 giảm 5% so với năm 2018	20%

8.5	Hoàn thành 100% các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Năm 2019 đạt 96,29%	100%
-----	-----------------------------------------------------------------	---------------------	------

Phụ lục II
KHÁI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 120 /KH-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng nguồn kinh phí		
							Ngân sách Địa phương	Ngân sách TW	Nguồn kinh phí xã hội hóa
1	Kinh phí thực hiện công tác chỉ đạo cải cách hành chính của Sở Nội vụ	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	900.000.000	4.500.000.000		
2	Kinh phí thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Văn phòng UBND tỉnh	46.080,000	46.080.000	46.080.000	46.080.000	46.080.000	230.400.000		
3	Kinh phí cải cách chế độ công vụ của Sở Nội vụ	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000	260.000.000	1.300.000.000		
4	Kinh phí thực hiện Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020-2025 "Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI" của Sở Kế hoạch - Đầu tư	6.400.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000	2.800.000.000	-	20.000.000.000		
5	Kinh phí triển khai Đề án về đẩy mạnh CCHC giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực Hiện đại hóa hành chính của Sở Thông tin truyền thông	10.973.000.000	5.973.000.000	5.973.000.000	5.973.000.000	5.973.000.000	29.865.000.000		5.000.000.000
Tổng cộng		18,579,080,000	12,579,080,000	12,579,080,000	9,979,080,000	7,179,080,000	55.985.400.0000		5.000.000.000